

Số: 21/2019/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở ấp, khu phố; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 370/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở ấp, khu phố; khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 126/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở ấp, khu phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mức bồi dưỡng đối với những người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở ấp, khu phố; những người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố; các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở ẤP, KHU PHỐ

Điều 3. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính

1. Xã, phường, thị trấn loại 1: không quá 14 người.
2. Xã, phường, thị trấn loại 2: không quá 12 người.
3. Xã, phường, thị trấn loại 3: không quá 10 người.

Điều 4. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách

Số TT	Xã, phường, thị trấn loại 1	Xã, phường, thị trấn loại 2	Xã, phường, thị trấn loại 3
1	Tổ chức Đảng ủy	Tổ chức Đảng ủy	Tổ chức Đảng ủy
2	Kiểm tra Đảng ủy	Kiểm tra Đảng ủy	Kiểm tra Đảng ủy
3	Tuyên giáo Đảng ủy	Tuyên giáo Đảng ủy	Tuyên giáo Đảng ủy
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam
7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
8	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
9	Phó Trưởng Công an	Phó Trưởng Công an	Phó Trưởng Công an
10	Phó Trưởng Công an	Phó Trưởng Công an	

11	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự
12	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	
13	Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ		
14	Đài Truyền thanh		

2. Các xã, phường, thị trấn bố trí người hoạt động không chuyên trách theo các chức danh được quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp xã, phường, thị trấn có Phó Trưởng Công an là Công an chính quy; các phường, thị trấn không có Hội Nông dân thì được chọn bố trí chức danh thay thế trong số các chức danh sau đây:

- a) Xóa đói giảm nghèo - Trẻ em;
- b) Đài Truyền thanh - Thể dục thể thao;
- c) Thể dục thể thao;
- d) Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- đ) Văn phòng Đảng ủy.

Điều 5. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố

Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố thực hiện theo khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố:

Mỗi ấp, khu phố bố trí không quá 03 người.

2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố:

a) Bí thư Chi bộ ấp, khu phố hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận ấp, khu phố (đối với các ấp, khu phố thành lập Đảng bộ bộ phận);

b) Trưởng ấp, khu phố;

c) Trưởng ban Ban công tác Mặt trận ấp, khu phố.

Điều 6. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Ngoài mức phụ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hỗ trợ thêm, cụ thể như sau:

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học: được hỗ trợ thêm bằng 1,34 lần mức lương cơ sở;

b) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng: được hỗ trợ thêm bằng 1,10 lần mức lương cơ sở;

c) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp: được hỗ trợ thêm bằng 0,86 lần mức lương cơ sở;

d) Người chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: được hỗ trợ thêm bằng 0,7 lần mức lương cơ sở.

3. Mức hỗ trợ thêm quy định tại khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố

1. Mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Ngoài mức phụ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố được hỗ trợ thêm như sau:

a) Ấp, khu phố có dưới 350 hộ dân: hỗ trợ thêm bằng 0,4 lần mức lương cơ sở;

b) Ấp, khu phố có từ 350 hộ dân trở lên; ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: hỗ trợ thêm bằng 0,6 lần mức lương cơ sở.

3. Mức hỗ trợ thêm theo quy định tại khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 8. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố mà giám được một người trở lên trong số lượng theo quy định, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì hàng tháng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Kiêm nhiệm một chức danh thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 lần mức lương cơ sở;

b) Kiêm nhiệm hai chức danh trở lên thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,3 lần mức lương cơ sở.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 9. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố

1. Bí thư Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Chi Hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi Hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi Hội Cựu chiến binh được bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng.

2. Phó Trưởng ấp, khu phố được bồi dưỡng 1.500.000 đồng/người/tháng.

3. Kinh phí bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố do ngân sách nhà nước đảm bảo và từ các nguồn quỹ khác (nếu có)

Điều 10. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Căn cứ đặc thù của từng đơn vị cấp xã, yêu cầu quản lý, tỷ lệ chi thường xuyên của cấp xã và nguồn thu ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã với mức khoản tối thiểu là 12.000.000 đồng/tổ chức/năm.

Chương III

BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ; HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THÔI VIỆC

Điều 11. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Chế độ trợ cấp thôi việc và thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc

1. Chế độ trợ cấp thôi việc

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố có đơn tự nguyện xin thôi không làm chức danh không chuyên trách, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì được hưởng trợ cấp bằng 0,5 lần so với mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác và hưởng tại thời điểm thôi làm chức danh không chuyên trách;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố tự ý bỏ việc, bị buộc thôi việc theo quy định pháp luật thì không được hưởng khoản trợ cấp tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc:

a) Thời gian được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc bao gồm toàn bộ thời gian giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã; ở ấp, khu phố chưa nhận trợ cấp thôi việc. Nếu thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn;

b) Thời gian công tác từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm, từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng thì tính 6 tháng; dưới 03 tháng thì không tính.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định về phân cấp ngân sách.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Bãi bỏ Nghị quyết số 271/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 271/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bãi bỏ Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm, hỗ trợ cho một số chức danh ở cấp xã; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. *ch*

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội tỉnh, ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh